

Giấy ủy quyền số 704/UQ-DQU-HCNS ngày 05/6/2020). Địa chỉ: khu Công nghiệp Đông D, Khu kinh tế D, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- bà Đỗ Thị Ng - sinh năm 1985; cư trú: thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Ng: ông Huỳnh Ngọc Â - sinh năm 1975; địa chỉ liên hệ: nhà số X đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 12/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn L do ông Huỳnh Ngọc Â là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 03/4/2018, Công ty B (viết tắt là B Quảng Ngãi) thuộc Tổng Công ty B (viết tắt là B) có bán bảo hiểm tàu cá QNg-97417-TS do ông Trần Văn L làm chủ tàu, Theo hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 ngày 03/4/2018, ông L mua bảo hiểm thân tàu cá (vỏ + máy) với số tiền bảo hiểm là 4.000.000.000 đồng; phí bảo hiểm là 12.000.000 đồng; thời hạn bảo hiểm là 03 tháng từ 11h00' ngày 03/4/2018 đến 11h00' ngày 03/7/2018.

Ngày 25/5/2018, tàu cá QNg-97417-TS xuất bến lúc 19h00' từ Cửa Hội, Nghệ An để đi hành nghề khai thác thủy hải sản (hành nghề giã cào đôi cùng với tàu QNg-92418-TS). Khoảng 03h00' - 04h00' ngày 30/5/2018, tàu cá QNg-97417-TS đang hoạt động tại tọa độ 15°08 N/109°12'E (ngang Cửa Đại thành phố Q), thì trong buồng máy phát cháy dữ dội không rõ nguyên nhân, kèm theo là những tiếng nổ lớn. Các thuyền viên và người lao động trên tàu QNg-92418-TS đã đến cứu nhưng do ngọn lửa bùng phát quá lớn nên không thể cứu chữa được.

Tổng thiệt hại của tàu cá QNg-97417-TS là 6.000.000.000 đồng chưa tính hao tổn về ngư lưới cụ. Ông L làm đơn yêu cầu B bồi thường thiệt hại, nhưng bị từ chối với lý do: Lúc tàu cá bị tai nạn, trên tàu cá không có Thuyền trưởng hoặc Máy trưởng hoặc Thuyền trưởng và Máy trưởng không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định. Việc B từ chối bảo hiểm là không có căn cứ vì ông L không được B giải thích về Quy tắc và cũng không được nhận Quy tắc bảo hiểm; không được nhận bản chính, bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá và Hợp đồng bảo hiểm tàu cá nên ông L không biết được các quy định loại trừ. Theo ông L hiểu thì khi tàu cá hoạt động chỉ cần có Thuyền trưởng là đủ.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc B phải bồi thường cho ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Ng số tiền bảo hiểm là 4.000.000.000 đồng vì tàu cá QNg- 97417-TS là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà Ng; ông L, bà Ng đã thế chấp tàu cá để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh D (viết tắt là Ngân hàng - Chi nhánh D) nên ông L yêu cầu B chuyển số tiền bồi thường cho Ngân hàng là người thụ hưởng để ông L, bà Ng trả nợ khoản vay cho Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh D.

- *Bị đơn Tổng Công ty B do ông Phạm Ngọc B và ông Nguyễn Th N là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:* B là Công ty thành viên, hoạch toán phụ thuộc B. B

có bán bảo hiểm cho tàu cá QNg-97417-TS do ông Trần Văn L làm chủ tàu cá theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66. Ông L đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ đúng hạn. Thời hạn xảy ra tổn thất nằm trong thời hạn của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá. Ngày 25/5/2018, tàu cá QNg-97417-TS do Thuyền trưởng Đỗ Văn Đông điều khiển xuất bến tại Cửa Hội Nghệ An ra khơi với 02 thuyền viên đi khai thác giã cào đôi trên vùng biển Quảng Ngãi cùng tàu cá QNg -92418-TS. Đến khoảng 04h00' ngày 30/5/2018, khi đang khai thác tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi, tàu cá QNg-97417-TS bất ngờ phát cháy và bị chìm, gây hư hỏng toàn bộ thân vỏ, máy móc, ngư lưới cụ và trang thiết bị tàu cá; 02 thuyền viên bị bỏng mức độ khác nhau. Sau khi nhận được thông báo sự cố tàu cá QNg-97417-TS, B đã chỉ định Công ty TNHH Giám định Trung Đông (MID) tiến hành giám định nguyên nhân, mức độ tổn thất. Ngày 31/5/2018, MID đã chuyển cho B Báo cáo giám định sơ bộ ban đầu vụ việc. Căn cứ vào Báo cáo và biên bản ghi lời khai của người biết sự việc, MID thông báo tại thời điểm xảy ra tổn thất, Thuyền viên trên tàu không có chứng chỉ Máy trưởng theo quy định. Ngày 11/6/2018, ông L gửi đơn và yêu cầu B bồi thường sự cố cháy và chìm đắm tàu cá QNg-97417-TS với số tiền 6.000.000.000 đồng. Ngày 10/12/2018, B đã có Công văn số 10248/BHBV-GĐBTHH gửi B về việc từ chối bồi thường tàu cá QNg -97417-TS vì tổn thất xảy ra trong trường hợp trên tàu không có Thuyền trưởng, Máy trưởng với bằng cấp phù hợp theo quy định.

Nay ông L yêu cầu B bồi thường thiệt hại tàu cá QNa-97417-TS với số tiền 4.000.000.000 đồng, B không đồng ý vì tại thời điểm xảy ra tổn thất trên tàu cá QNg-97417-TS chỉ có ông Đỗ Văn Đông là Thuyền trưởng, Thuyền viên Trần Nhật N không có chứng chỉ Máy trưởng theo quy định nên không thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Ngân hàng Thương mại cổ phần N (viết tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Th Tr là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Trần Văn L thế chấp 02 tàu cá QNg-97417-TS và QNg-92418-TS để bảo đảm cho các khoản vay của ông L tại Ngân hàng - Chi nhánh D theo các Hợp đồng tín dụng số 684/2014/DQ-QT ngày 11/9/2014; số 2235/2016/DQ ngày 01/12/2016; số 2365/2016/DQ ngày 21/12/2016; số 1381/2017/DQ ngày 17/7/2017; số 1591/2017/DQ ngày 11/8/2017; số 2788/2017/DQ ngày 13/12/2017 và số 910/2018/DQ ngày 06/4/2018 với số tiền nợ gốc vay còn lại là 4.997.405.928 đồng và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 02/5/2018 là 619.605.463 đồng. Theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18HD66 ngày 03/4/2018 được ký kết giữa B Quảng Ngãi, ông L và Ngân hàng - Chi nhánh D thì Ngân hàng - Chi nhánh D là người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm. Tàu cá QNg - 97417-TS của ông L bị sự cố cháy tàu dẫn đến chìm tàu tại vùng biển Quảng Ngãi. Việc B từ chối bồi thường bảo hiểm cho ông L là không có căn cứ, gây thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm và xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc B phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông L, người thụ hưởng trực tiếp là Ngân hàng để

ông L thanh toán tiền vay cho Ngân hàng.

+ bà Đỗ Thị Ng trình bày: Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn là ông Trần Văn L chồng của Bà. Bà không bổ sung gì khác.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 20/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Tổng Công ty B phải trả tiền bảo hiểm tàu cá cho ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Ng số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ) do xảy ra thiệt hại tàu cá QNg-97417-TS theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC18.HD66 ngày 03/4/2018 giữa Tổng Công ty B với ông Trần Văn L, số tiền bồi thường của Tổng Công ty B được chuyển vào tài khoản của Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh D là người thụ hưởng để Ngân hàng Thương mại cổ phần N, ông L và bà Ng tính toán giải quyết khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 02/12/2019, Tổng Công ty B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, Tổng Công ty B thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2020/DS-PT ngày 24/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Tổng Công ty B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L buộc Tổng Công ty B phải bồi thường bảo hiểm cho ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Ng số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ) theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC18.HD66 ngày 03/4/2018 giữa Công ty B với Chủ tàu cá QNg-97417-TS do ông Trần Văn L - Chủ tàu cá đại diện cùng Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh D và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC18.HD66 cho người được bảo hiểm là ông Trần Văn L do Công ty B cấp ngày 03/4/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 08/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Báo cáo số 2341/BC -VKS đề nghị Viện trưởng Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo hướng: Hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 21/10/2020, Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn của ông Trần Văn L đề nghị xem xét kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo hướng: Hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án dân sự

sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 03/4/2018, ông Trần Văn L và Tổng Công ty B -Chi nhánh B ký Hợp đồng Bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 (bl 219-222), tại Điều 3 Hợp đồng quy định:

3.1. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu: Quy tắc bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ, Điều khoản bảo hiểm rủi ro chiến tranh, Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cá đối với tàu cá hoạt động trong vùng biển Việt Nam ban hành theo Quyết định số 5373/QĐ-BHBV ngày 16/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (viết tắt là QTTC/BV-2016).

3.2. Bảo hiểm thân tàu: Điều kiện A - Quy tắc bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ, Điều khoản bảo hiểm rủi ro chiến tranh, Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cá đối với tàu cá hoạt động trong vùng biển Việt Nam ban hành theo Quyết định số 5373/QĐ-BHBV ngày 16/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (viết tắt là QTTC/BV-2016) và các điều khoản bảo hiểm bổ sung:

a) Loại trừ rủi ro tàu bị tổn thất không xác định được chính xác nguyên nhân...

Tại khoản 6 Điều 8 Chương III Phần I của Quy tắc bảo hiểm tàu cá quy định về những trường hợp và rủi ro không thuộc trách nhiệm bảo hiểm: *...máy trưởng không có bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định...*

Tại khoản 3 Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 77/2008/QĐ-BNN ngày 30/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chế bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, nghiệp vụ thuyền viên và thợ máy tàu cá (viết tắt là Quyết định 77) quy định: *Khi tham gia các hoạt động thủy sản trên tàu cá, thuyền trưởng, máy trưởng phải có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng hạng tương ứng với loại tàu cá lắp máy có công suất máy chính như sau: Tổng công suất máy chính của tàu (sức ngựa) từ 400 trở lên thì phải có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng hạng 4.*

Theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 1365 (bl 120) thì tàu cá QNg-97417-TS có tổng công suất 620CV, số thuyền viên là 03 người. Tại Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá (bl 199-202) do ông Trần Văn L đăng ký tại Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi ngày 15/12/2016 đối với tàu cá QNg-97417-TS thể hiện có hai chức danh Thuyền trưởng (Đỗ Văn Đông) và Máy trưởng (Đỗ Văn Ngọc).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xác minh, thể hiện tại *Biên bản làm việc* ngày 19/3/2020 (bl 335), Giám đốc Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Ngãi cung cấp thông tin như sau: *Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh một số ngành nghề thủy sản và Điều 2 mục 2 Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 thì tàu cá QNg-97417-TS của ông Trần Văn L có tổng công suất 620CV khi tham gia hoạt động khai thác thủy sản trên biển bắt buộc phải có Thuyền trưởng, Máy trưởng.*

Tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản (viết tắt là Nghị định 66) quy định: *Đối với chủ tàu cá phải đảm bảo tàu cá luôn ở trạng thái an toàn và tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 66 quy định: Tàu cá khi hoạt động phải thực hiện các quy định ... có đủ biên chế trên tàu với các chức danh.*

Đồng thời, tại điểm c mục 1 phần I Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 66 quy định: *Chủ tàu có trách nhiệm đảm bảo trên tàu cá khi hoạt động có đủ số lượng thuyền viên đăng ký trong sổ danh bạ thuyền viên và không được vượt quá số người ghi trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.*

Tại *Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá* số QNG.D01.TC.18.HD66 ngày 03/4/2018, có quy định những điều cần biết trong bảo hiểm tàu cá như sau: B không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra do những nguyên nhân sau:...*Tàu thuyền không đủ khả năng hoạt động và Thuyền trưởng, Máy trưởng không có bằng theo quy định.*

Tất cả những quy định đã viện dẫn nêu trên, buộc chủ tàu cá là ông Trần Văn L phải biết khi tham gia hoạt động thủy sản, phải bảo đảm tàu cá luôn ở trạng thái an toàn. Tuy nhiên, ngày 25/5/2018 khi tàu cá QNg-97417-TS của ông L làm thủ tục xuất bến tại Cửa Hội Nghệ An để hành nghề khai thác thủy sản thì có 02 thuyền viên có chứng chỉ Thuyền trưởng và Máy trưởng như đăng ký trong sổ danh bạ thuyền viên, nhưng khi tàu cá QNg-97417-TS xảy ra tai nạn cháy làm chìm tàu tại vùng biển Quảng Ngãi thì trên tàu chỉ có ông Đỗ Văn Đông có chứng chỉ Thuyền trưởng hạng 4, còn Thuyền viên Trần Nhật N không có chứng chỉ Máy trưởng hạng 4 theo quy định tại Quyết định số 77/2008/QĐ-BNN ngày 30/6/2008. Tại phiên tòa phúc thẩm (bl 501-507), nguyên đơn thừa nhận “*Khi làm thủ tục xuất bến có đầy đủ Thuyền trưởng và Máy trưởng, đến khi xuất bến thì Máy trưởng là ông Đỗ Văn Ngọc có việc gia đình nên không đi được. Do đến giờ xuất bến nên phải xuất bến mà không có Máy trưởng*”. Tại báo cáo giám định cuối cùng (bl 441-442) thể hiện: *Nguyên nhân tổn thất: Hỏa hoạn chưa rõ nguyên nhân xuất phát từ hầm máy gây cháy và chìm tàu...*

Như vậy, tại thời điểm xảy ra hỏa hoạn, trên tàu cá QNg-97417-TS không có thuyền viên có chứng chỉ Máy trưởng hạng 4 là không bảo đảm an toàn, không đúng các quy định pháp luật đã viện dẫn ở trên nên B từ chối bồi thường là có căn cứ.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông L khai nại: Ông không

được B giải thích về Quy tắc và cũng không được nhận Quy tắc bảo hiểm; không được nhận bản chính, bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá và Hợp đồng bảo hiểm tàu cá nên ông L không biết được các quy định loại trừ. Theo ông L hiểu thì khi tàu cá hoạt động chỉ cần có Thuyền trưởng là đủ. Tuy nhiên, tại Đơn xin từ bỏ tàu, Thông báo tổn thất và Giấy yêu cầu bồi thường cùng ghi ngày 11/6/2018 (bl 67, 72, 76) của ông L đều cung cấp thông tin “Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 cấp ngày 03/4/2018, có hiệu lực từ 11h00’ ngày 03/4/2018 đến 11h00’ ngày 03/7/2018” gửi B. Đồng thời, tại Bản tự khai (bl 123), ông L trình bày: ... *Sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, Ông đóng phí bảo hiểm theo đúng thỏa thuận và sau đó nhận được giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá do Công ty B cấp đề ngày 03/4/2018* và tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2019 (bl 228), bà Ng (vợ ông L) cũng trình bày: ... *Sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, tôi đóng phí bảo hiểm theo đúng thỏa thuận và sau đó nhận giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá cấp ngày 03/4/2018.* Lời khai nại của vợ chồng ông L Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận là đúng.

[3]. Từ những chứng cứ được phân tích trên cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L, buộc Tổng Công ty B trả tiền bảo hiểm tàu cá cho ông L, bà Ng là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty B, sửa bản án sơ thẩm; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L là có căn cứ.

[4]. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận định:

1. Hợp đồng Bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC. 18.HD66 ngày 03/4/2018 là Hợp đồng dân sự theo mẫu, không thể hiện những điều loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. B không giải thích về Quy tắc bảo hiểm hoặc những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong trường hợp này là vi phạm đoạn 2, khoản 2 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Tàu cá QNg-97417-TS bị cháy và chìm không phải do nguyên nhân chủ quan thiếu máy trưởng hay thiếu thuyền viên, đây là do tai nạn rủi ro nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L là không đúng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm.*

Nhận định tại kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không phù hợp với các chứng cứ nêu trên nên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343, Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2020/DS-PT ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá*”, giữa nguyên đơn ông Trần Văn L với bị đơn là Tổng Công ty B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần N và bà Đỗ Thị Ng.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ PC và Quản lý khoa học - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Liêm